

# TÔN GIÁO VÀ VĂN HỌC VIỆT NAM THẾ KỈ XX

N.I.NIKULIN<sup>(\*)</sup>

**Đ**ặc điểm hỗn đồng phức tạp của các tín ngưỡng truyền thống của người Việt Nam đã được nhiều học giả nói đến. Một trong những người đầu tiên trong số đó có lẽ là Nguyễn Công Bật. Ngay từ năm 1121, trong một bài văn bia, khi viết về Lý Nhân Tông (1072-1128) - nhà thơ, nhà thư pháp mà cuộc sống tâm linh được lí tưởng hoá của vị Vua này, ông đã nêu lên nét đặc trưng mà khoa học biết đến sớm nhất về kẻ sĩ trong văn hoá Việt Nam. Bài văn bia đã xác định một cách cô đọng cái giá trị nhất trong cấu trúc nhân cách theo quan niệm thời Trung cổ, và vì vậy đã nhấn mạnh cần có tri thức rất tốt về cái cơ bản trong tôn pháp đạo Phật và có sự hiểu biết ít chi tiết hơn về "các đạo khác", đó là đạo Khổng và đạo Lão<sup>(1)</sup>. Trong thế kỉ XV, ưu thế của các học thuyết đã có sự thay đổi, lúc này đạo Khổng mới đã chiếm vị trí hàng đầu, nhưng chưa bao giờ là đạo duy nhất ở Việt Nam.

Trong hệ tư tưởng truyền thống của Việt Nam, đạo Khổng có một vị trí đặc biệt, bởi vì những nguyên tắc chính trị - đạo đức của nó trong nhiều thế kỉ được chính thể quân chủ Việt Nam dựa theo. Đạo Khổng đóng vai trò quan trọng nhất trong quá trình hình thành văn học và các quan điểm văn học - mỹ học truyền thống ở Việt Nam.

Người ta thường cho rằng ở giai đoạn cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX vị trí của đạo Khổng bị tổn hại: Nó bị ngay các cư dân vùng Viễn Đông coi thường và lẽ ra phải bị ra trước toà án lịch sử. Tuy nhiên, một quan điểm phiến diện như vậy là không đặc trưng ngay cả đối với một bộ phận

người Việt Nam có học vấn "Tây học". Nhà khai sáng và nhà văn Phan Kế Bính (1875-1921) đã khẳng định vào năm 1913 rằng nếu biết gìn giữ đạo Khổng, từ bỏ những quan điểm lỗi thời và hạn chế của nó, bổ sung cho nó những ý tưởng mới, thì có thể biến Việt Nam thành một đất nước phồn vinh hùng mạnh<sup>(2)</sup>. Một phần không nhỏ, trước hết là những quan niệm về đạo đức của đạo Khổng, đã được ý thức xã hội duy trì, đó là chưa nói đến một số mặt thuộc về ngôn từ và hành vi mang tính nghi thức, về các nghi lễ phong tục. Đạo Khổng đã tác động đến cả quan niệm về nhân cách trong xã hội Việt Nam thế kỉ XX.

Quan niệm về nhân cách rõ ràng là cực kì quan trọng đối với tác phẩm văn học, bởi vì nó gắn liền với hệ thống các giá trị, đặc điểm, bản chất của các xung đột và các hình tượng nghệ thuật. Quan niệm của đạo Khổng về người quân tử bao gồm một loạt các phẩm chất như: nhân, đức, hiếu, nghĩa, lễ, tín, coi đây là nền tảng của các mối quan hệ qua lại trong gia đình và ngoài xã hội.

Ngoài ra, người quân tử phải có văn. Khái niệm này có rất nhiều nghĩa: nghĩa gốc ban đầu của nó là "hoa văn" gắn với những

\*. GS. TS. Viện Hàn lâm khoa học Liên bang Nga, Moskva. GS. TS. Nikulin là nhà Việt Nam học người Nga đã gắn bó nhiều năm với các vấn đề văn hóa và văn học Việt Nam. Nhân dịp sang Việt Nam dự Hội thảo quốc tế: "Việt Nam trong thế kỉ XX", ông đã gửi cho Tạp chí NCTG bài viết này, xin giới thiệu để bạn đọc tham khảo. Bản dịch của chính tác giả (BBT).

1. *Từ trong di sản...*, Hà Nội, 1981, tr. 17.

2. Phan Kế Bính. *Việt Nam phong tục*, Sài Gòn, 1972, tr. 210.

đường hoa văn trên trời vốn có tính chất thiêng liêng, huyền bí cũng giống như người quân tử nhờ có đức mà đạt đến đạo, cái được coi là động lực vận động toàn thế giới, và thể hiện nhận thức đó bằng ngôn ngữ thành văn. Do đó mà một trong những ý nghĩa của từ "Văn" là "Văn học" và người quân tử nhất thiết phải có thiên bẩm văn chương.

Đầu thế kỉ XX, trong giới nho sĩ đã có sự phân hoá, mở ra một thời đại mới: trong số đó, những nho sĩ biết rộng mở chân trời trí tuệ của mình đã trở thành những nhà hoạt động của phong trào Khai sáng và giải phóng dân tộc; họ đối lập với những nho sĩ không có khả năng tiếp nhận cái mới. Những nho sĩ cổ hủ như thế, nói theo lời của Các Mác, "sự dốt nát có học" trở thành đối tượng để châm biếm. Điều quan trọng cần lưu ý là đạo đức truyền thống của đạo Khổng vốn lên án sự châm biếm. Tác giả khuyết danh của bài thơ có tên gọi rất hùng hồn là "Cáo hủ lậu văn" in năm 1905 đã cười nhạo sự dốt nát này bằng cách nêu ra hình ảnh: trong khi quả đất tròn và quay thì lại có người khẳng định quả đất vuông và đứng nguyên tại chỗ<sup>(3)</sup>.

Sự hình thành một hệ thống văn học mới, hiện đại trong những thập kỉ đầu thế kỉ XX gắn liền với quá trình khắc phục quan điểm Khổng học về văn học, coi văn học chỉ là lí luận giáo dục, nhưng đồng thời nó còn có quan hệ phức tạp với các giá trị đạo đức của đạo Khổng. Các giá trị này được xem xét với tư cách là cơ sở của tinh thần, đạo đức và đối lập với sự thiếu tinh thần, vô đạo đức do chủ nghĩa thực dân mang vào từ phương Tây.

Khuynh hướng của kịch nói Việt Nam hiện đại ra đời từ những năm 20 được quy định bởi sự ác cảm đối với những quái gở về đạo đức của xã hội thuộc địa, và bởi những tâm trạng chống đối của một dân tộc bị áp bức. Kịch nói Việt Nam tuy mới hình thành trong thế kỉ XX, nhưng đã chịu ảnh hưởng

của kịch Molière (Pháp), bởi vì nó đã được biết đến ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường phổ thông và bởi vì nó có định hướng giáo dục vốn là đặc tính của chủ nghĩa cổ điển, rất gần gũi với các nhà soạn kịch Việt Nam khi đó. Trong vở kịch "Ông Tây An Nam" (1931), Nam Xương (1905-1958) đã tạo ra hình tượng một chàng trai Việt Nam tên là Len, trở về sau khi du học ở Pháp. Anh ta trông có vẻ rất là "tây". Đó là một nhân vật hài kịch châm biếm. Len làm ra vẻ quen tiếng mẹ đẻ, quen phong tục nước Việt, nhìn đồng bào của mình một cách kiêu ngạo và nói chuyện với họ toàn bằng tiếng Pháp thông qua người phiên dịch. Sự quái gở đạo đức kinh khủng nhất của Len là ở chỗ anh ta đã vi phạm điều răn quan trọng nhất của đạo đức Khổng giáo là giữ chữ hiếu với cha mẹ. Điều này do chính cha của Len nói với y, khi ông nhắc đến Khổng Tử. Nhưng Len nhìn cha mình bằng một thái độ khinh thường, làm ra vẻ không biết gì về Khổng Tử và kêu lên bằng tiếng Pháp: "cái lão già ngọc là quái gì vậy"<sup>(4)</sup>. Vở kịch đặt ra những vấn đề giống như nhà văn người Indônêxia Abul Muis, tác giả cuốn tiểu thuyết *Sự giáo dục không đúng đắn* (1928), đã nêu lên cũng thời gian đó. Cả trong vở kịch Việt Nam lẫn trong tiểu thuyết Indônêxia đều nói lên nỗi thất vọng về lí tưởng khai sáng của những con người Tây học.

Hơn nữa, những người hoàn toàn theo định hướng phương Tây không quá gượng nhẹ với các giá trị truyền thống. Trong bài báo "Về tiểu thuyết" viết năm 1921, học giả và nhà báo Phạm Quỳnh (1892-1945) đã tỏ rõ sự ưa thích những cơ sở vật chất mà ông ta cho là của "phương Tây". Ông ta viết rằng mọi việc trong xã hội đều bị hai động

3. Xem: *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, Hà Nội, 1963, T.IV, tr. 614.

4. Nam Xương. *Ông Tây An-nam*. Hài kịch ba hồi, Hà Nội, 1931, tr. 10.

lực lớn chi phối: đó là tham giàu và tham sang. Tiền tài và danh vị, lợi nhuận và sự trọng vọng - đó là hai nhân tố bao trùm trong xã hội và là hai mục tiêu để viết tiểu thuyết hiện thực. Phạm Quỳnh khẳng định rằng nhờ hai động lực tiềm ẩn này mà xã hội đâu đâu cũng trở thành môi trường hoạt động của sự cạnh tranh khốc liệt và chính sự cạnh tranh này sẽ cung cấp cho nhà văn nguồn dự trữ tư liệu không bao giờ cạn. Phạm Quỳnh tỏ rõ thái độ coi thường những giá trị tinh thần của đạo Khổng và lí tưởng của nó về người quân tử. Ông ta nhấn mạnh rằng, khi không có lòng tham tiền bạc và danh vị thì tất cả mọi người đều biến thành nhà thông thái và người quân tử và cái gì có thể đáng buồn hơn khi một xã hội gồm chỉ toàn những người như thế, bởi vì trong một xã hội như vậy sẽ không làm gì được cả<sup>(5)</sup>.

Do đó Phạm Quỳnh đã đề cập đến một vấn đề vĩnh cửu của tồn tại đó là vấn đề lựa chọn con đường sống, định hướng cuộc sống, các thang giá trị, một vấn đề nổi cộm trong những thời kì quá độ, cụ thể là hiện nay khi Việt Nam chuyển sang kinh tế thị trường. Cùng với việc thừa nhận những thành quả mà nền kinh tế thị trường đem lại, văn học Việt Nam hôm nay thường phản ánh những suy thoái về mặt đạo đức. Thí dụ, tiểu thuyết "Phố" của Chu Lai (1993) đã mô tả những con đường làm giàu của những cựu chiến binh, mỗi người mỗi kiểu: Tất cả những con đường đó, cho dù là trong sạch nhất, đều đưa các nhân vật của Chu Lai đến những kết cục bi kịch và đổ vỡ trong cuộc sống.

Những phát biểu gay gắt của Phạm Quỳnh đáng chú ý ở chỗ chúng thẳng thắn chối bỏ những luận thuyết của đạo Khổng và đạo Phật. Thí dụ, sự nghèo nàn thanh bạch, không hám lợi, ham giàu của người quân tử vốn là một trong những tư tưởng của Khổng học. Hơn nữa, Phạm Quỳnh không thừa nhận những mục đích cao cả,

những khởi nguyên và nguyên lí tinh thần nào đó, sự vươn tới hạnh phúc là những động lực của sáng tác tiểu thuyết. Rõ ràng là ông chỉ dựa vào những hiểu biết của mình về tiểu thuyết hiện thực Pháp thế kỉ XIX, chứ không phải hoàn toàn về tiểu thuyết nói chung. Đối với tiểu thuyết Việt Nam thời đó, thì đây là một sự dự báo, vì lúc đó nền tiểu thuyết Việt Nam chỉ vừa mới hình thành. Điều này đã được Phạm Quỳnh viết trong bài báo "Về tiểu thuyết".

Tuy nhiên, quá trình văn học hiện thực diễn ra ở Việt Nam những năm 20-30 đã hoàn toàn không vội vàng biến hộ cho dự báo của Phạm Quỳnh. Trong một thời gian dài, vấn đề trọng tâm của tiểu thuyết Việt Nam là sự phê bình các quan hệ gia trưởng trong gia đình dựa trên luân lí đạo Khổng ngăn cản những cuộc hôn nhân do tình yêu, ngăn cản hạnh phúc gia đình. Trong tiểu thuyết trào phúng "Số đỏ" (1938) của Vũ Trọng Phụng (1912-1939) mà trung tâm là nhân vật Xuân tóc đỏ, với thiên hướng trung thành với nền nếp gia trưởng của đạo Khổng, một lần nữa đạo đức "phương Tây" cùng với các thứ mốt áo váy phụ nữ quá tự do bị ảnh hưởng phương Tây, lại được đem ra phê phán và chế nhạo.

Nhà văn Vũ Trọng Phụng tỏ ra trung thành với những giá trị luân lí truyền thống hơn ông quan Thượng thư của triều đình Phạm Quỳnh lúc đó, mà lẽ ra theo chức vụ thì phải là một nhà Nho.

Khi nói về hệ thống các quan điểm của đạo Khổng, có một đặc điểm nổi bật là: khác với các tín ngưỡng dân gian, đạo Khổng không trả lời cho câu hỏi cái gì xảy ra đằng sau giới hạn chia tách cái sống với cái chết, nghĩa là không giải quyết vấn đề cơ bản của tôn giáo - mà theo nhà triết học Nga A.F. Lỗxép - là cái gì cho phép con

5. Phạm Quỳnh. *Thượng chỉ văn tập*, Hà Nội [Sđd.], tr. 279 - 280.

người có thể tồn tại vĩnh hằng. Về vấn đề này đạo Khổng giữ im lặng, chỉ đưa ra một biện pháp tạm thời là phải thờ cúng tổ tiên. Đồng thời, từ xưa đạo Khổng đã có thái độ hoài nghi đối với các tôn giáo. Khổng Phu Tử đã nói: "Không học phục vụ người, làm sao có thể phục vụ ma?", cho nên ngay từ thế kỉ XIX trong tác phẩm "Huấn nữ diễn âm ca", một nhà thơ nho sĩ ẩn danh đã kiến nghị:

Còn như gái trẻ đến chi cửa chùa.

Kẻ mắt liếc, người miệng dò.

Ra tình trêu ghẹo ra trò gió giảng.

Ở nhà niệm Phật chuyên cần<sup>(6)</sup>

Do đó, mô hình hành vi được đề nghị ở đây chỉ dành khả năng đi chùa cho các phật tử già. Điều này mang tính chất thoả hiệp, chú ý đến độ tuổi cao.

Ngay từ đầu thế kỉ XX khi tín ngưỡng Phật giáo chưa bị lay động trong môi trường những người có học, nhà báo Gilbert Chiểu, khi công bố năm 1906 cuộc thi chọn tiểu thuyết hay nhất chưa từng thấy ở Việt Nam, đã khuyên những người dự thi hãy chú ý đến những gì liên quan đến đạo Phật và các nghi lễ của nó, cũng như liên quan tới thuật đồng cốt<sup>(7)</sup>. Ba bốn chục năm sau một quan điểm như thế của G.Chiểu sẽ bị coi là đã lỗi thời, vô vọng. Rõ ràng là chủ nghĩa hoài nghi của đạo Khổng và việc làm quen với các thành tựu khoa học và kĩ thuật Âu Châu đã đặt nền móng cho ý thức vô thần của tầng lớp tinh hoa có học ở Việt Nam. Chủ nghĩa thực dân không chỉ củng cố vị trí của Giáo hội Công giáo, mà còn mang vào cả những truyền thống vô thần, đặc trưng cho nước Pháp bắt đầu từ thế kỉ Khai sáng. Không phải ngẫu nhiên mà ngay từ năm 1822, Linh mục Philippe Bình từng sống ở Bồ Đào Nha đã có phần cường điệu khi than phiền rằng: Nhiều người Pháp đã quên cách làm dấu thánh giá cho mình<sup>(8)</sup>.

Điều dễ thấy là có một tiểu thuyết duy nhất trong số các tiểu thuyết nổi tiếng những năm 30 thế kỉ XX, mà trong đó tác giả tỏ ra nghiêm túc ủng hộ các nhân vật của mình trung thành với đạo Phật. Đó là tác phẩm "Hồn bướm mơ tiên" (1933) của Khái Hưng. Điều này đã gây phản ứng rất mạnh mẽ. Năm 1942, nhà phê bình Vũ Ngọc Phan trách cứ rằng ông rất ngạc nhiên với nhân vật của cuốn tiểu thuyết là chàng thanh niên Ngọc, một sinh viên tốt nghiệp "Trường Tây" mà lại có thể tin theo một "học thuyết hão huyền" như thế<sup>(9)</sup>. Chủ nghĩa vô thần ngay từ khi đó đã giành được vị trí vững chắc trong các tầng lớp có học của xã hội Việt Nam.

Cho nên sau Cách mạng Tháng Tám đã có những tiền đề để thực hiện chính sách về chủ nghĩa vô thần nhà nước. Khi đó chế độ quân chủ đã suy sụp, và đạo Khổng đã mất hẳn địa vị chính thống của mình. Tuy nhiên những ảnh hưởng của nó trong lĩnh vực đạo đức và văn hoá dưới các biến thể phong tục tập quán vẫn còn được thể hiện ra. Chẳng hạn, sự sùng bái thi ca do các nho sĩ sáng tác, đến giữa thế kỉ XX, khi đại đa số quần chúng nhân dân đã biết chữ thì sự sùng bái này đã biến thành tình yêu chung đối với nghệ thuật thơ ca. Mối liên hệ tinh thần này với quá khứ đã được nhận thức một cách nghệ thuật trong truyện ngắn của nhà văn Lê Tri Kỷ "Một buổi chiều ở Văn Miếu" (1971). Câu chuyện kể về một người du lịch nước ngoài muốn đạt đến tính cách người Việt Nam hiện đại và miêu tả đêm thơ trong Văn miếu ở Hà Nội thu hút hàng trăm người

6. *Huấn nữ diễn âm ca* [Bản viết tay]. Phòng lưu trữ Viện Văn học (Hà Nội), tr. 62.

7. Quốc Anh. *Nông Cổ Mìn Đàm và cuộc thi tiểu thuyết đầu tiên trong lịch sử văn học quốc ngữ*. Tạp chí *Văn học*, 1978, số 3, tr. 143.

8. Philipê Bình. *Sách sổ sang chép các việc*. Đà Lạt, 1968, tr. 218.

9. Vũ Ngọc Phan. *Nhà văn hiện đại. Phê bình văn học*. Q.4, Hà Nội, Hà Nội, 1951 (tập thượng), tr. 15.

dự mặc dù đang thời chiến. Ở đây sự ham thích thơ ca mang tính truyền thống được coi là một đặc điểm của tính cách dân tộc.

Tuy nhiên, chỉ đến thời kì đổi mới, nghĩa là từ nửa sau những năm 80, các nhà văn Việt Nam mới trở lên dũng cảm hơn khi viết về đề tài tôn giáo. Thí dụ, trong các truyện của tuần báo "*Văn nghệ*" rất có uy tín ra năm 1993 có những truyện ngắn cho thấy cảm xúc mới mẻ của xã hội Việt Nam hiện đại về lịch sử của các cộng đồng tôn giáo và thắng lợi của những tình cảm tự nhiên đối với chủ nghĩa khổ hạnh tôn giáo ("*Luật tình yêu*" của Triệu Huấn); sự mô tả có phần hài ước các thờ cúng ở địa phương ("*Bầu Thành hoàng*" của Lê Ngọc Minh); sự miêu tả đằm đằm và có phần thiện cảm về cuộc sống của một nhà sư thời nay định lập một kì tích về tôn giáo (trong truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp "*Thương nhớ đồng quê*"). Trong truyện ngắn này của Nguyễn Huy Thiệp có hình tượng của một người theo đạo Khổng, một con người rất nhân ái, rộng lượng và khoan dung. Trong truyện còn có một nhân vật nữ đại diện cho chủ nghĩa thực dụng hiện đại, một cô gái được mô tả một cách châm biếm học ở Tây về quê nghỉ hè: dù cô ta nhìn thấy bất kì cái gì cũng đều hỏi xem giá bao nhiêu tiền, dài bao nhiêu mét, nói tóm lại, trong mọi trường hợp cô ta đều muốn biết những thông số định lượng của vật đó. Như vậy, một lần nữa tại thời điểm mới của lịch sử lại nổi lên chủ đề "Giáo dục sai lầm" mà 70 năm trước đây đã được thể hiện rất rõ ràng trong vở kịch "*Ông Tây An Nam*" của Nam Xương. Truyền thống từ xưa của Việt Nam về sự cộng tồn của các học thuyết khác

nhau giờ đây tiếp nối khá bất ngờ trong truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp.

Thông qua ảnh hưởng gián tiếp của các truyền thống Khổng học có thể giải thích rằng các nhân vật của một loạt tiểu thuyết mới đây đều trở thành hay cố gắng trở thành những nhà hoạt động văn học, nhà văn, thí dụ như nhân vật trong tiểu thuyết "Ngoại tình" của Nguyễn Mạnh Tuấn. Các tác giả hướng tới xây dựng một hình tượng đặc trưng cho nền văn học truyền thống Việt Nam qua nhiều thế kỉ: người quân tử phải có văn. Trên thực tế, khi rời khỏi vũ đài lịch sử không còn tồn tại như một tầng lớp xã hội, các bậc trượng phu Nho sĩ đã truyền lại cho những người kế tục của họ vốn không giống họ cả về ngoại hình lẫn nội tâm một cái gì đó rất căn bản, đó là một số truyền thống đã được hiểu theo cách mới. Họ đã truyền lại ý chí và lòng khát khao, những quan niệm cao cả về đạo đức và nghĩa vụ, về ý nghĩa quan trọng trong đời sống văn hóa, giáo dục, chữ viết, văn học của cả xã hội và cá nhân; đã truyền lại tình yêu vô tận của mình đối với văn học, nghĩa là sức mạnh trí tuệ và tinh thần kiệt xuất của mình. Do vậy, chỉ nhìn thoáng qua nền văn học hiện đại Việt Nam cũng thấy rằng, mặc dù các tác giả thường tỏ ra bản thân họ có tư tưởng vô thần nhưng trong nền văn học đó đang sống lại sự quan tâm đã suy giảm tới các câu chuyện, đề tài, nhân vật có liên quan với các tín ngưỡng khác nhau. Hơn nữa, truyền thống lâu đời về sự cộng tồn và tác động qua lại giữa các tín ngưỡng khác nhau được bảo tồn, cải biến, thay đổi và đã được phản ánh trong ý thức của các nhà văn và trong các tác phẩm văn học./.